

1. Tổng quan về doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam (Vinatrans) là doanh nghiệp cổ phần hóa từ nhà nước, có trụ sở tại TP. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực giao nhận, kho vận ngoại thương và logistics, bao gồm vận tải đa phương thức, kho bãi, xuất nhập khẩu, đại lý hàng không và các dịch vụ hỗ trợ vận tải. Với vốn điều lệ 255 tỷ VND và 137 nhân viên (năm 2024), Vinatrans có một công ty con được hợp nhất và nhiều công ty liên kết hoạt động trong ngành vận tải đa phương thức. Năm 2024, công ty đối mặt với chi phí đầu vào tăng và doanh thu dịch vụ giảm, nhưng đã bù đắp bằng lợi nhuận từ hoạt động bán hàng hóa.

2. Chuẩn mực và nguyên tắc kế toán.

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (cho báo cáo tài chính hợp nhất). Công ty tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và các văn bản hướng dẫn do Nhà nước ban hành. Kỳ kế toán là năm dương lịch (01/01 - 31/12), đơn vị tiền tệ sử dụng là Đồng Việt Nam (VND). Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hợp nhất với công ty con và kế toán các công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các ước tính kế toán quan trọng bao gồm dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho và ước tính thời gian hữu dụng của tài sản cố định. **Kiểm tra tính chính xác của các thông tin trong báo cáo tài chính**
Bảng cân đối kế toán * **Thiếu:** * **Vay ngắn hạn:** Báo cáo không trình bày riêng biệt khoản mục "Vay ngắn hạn" trong phần Nợ ngắn hạn. * **Các khoản vay dài hạn:** Báo cáo không trình bày riêng biệt khoản mục "Các khoản vay dài hạn" trong phần Nợ dài hạn. * **Các khoản dự phòng:** Báo cáo không có khoản mục riêng biệt cho "Các khoản dự phòng" (ngoài các khoản dự phòng giảm giá tài sản như dự phòng phải thu khó đòi hay dự phòng đầu tư tài chính dài hạn). * **Các khoản dự trữ:** "Vốn khác của chủ sở hữu" có thể không bao gồm đầy đủ các khoản dự trữ theo quy định của chuẩn mực kế toán.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh * **Thiếu:** * **Các khoản giảm trừ doanh thu:** Khoản mục này không được trình bày trong báo cáo. Mặc dù "Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ" bằng "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" (ngụ ý các khoản giảm trừ bằng 0 hoặc không đáng kể), chuẩn mực yêu cầu khoản mục này phải được trình bày. * **Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh:** Khoản mục này không được trình bày rõ ràng. Báo cáo tính "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" sau khi đã bao gồm "Thu nhập khác" và "Chi phí khác", thay vì trình bày "Lợi nhuận từ hoạt động kinh

doanh" trước các khoản mục này. **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:**
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp này theo Mẫu 2 (Phương pháp gián tiếp).

Thiếu các chỉ tiêu sau so với Mẫu 2: * **I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:**
* Chi phí lãi vay (Mã 06) * Tiền lãi vay đã trả (Mã 13) * Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh (Mã 15) * **II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:** * Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Mã 25) * **III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:** * Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu (Mã 31) * Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành (Mã 32) * Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được (Mã 33) * Tiền chi trả nợ gốc vay (Mã 34) * Tiền chi trả nợ thuê tài chính (Mã 35)

2. Phân tích bảng cân đối kế toán.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho thấy một bức tranh tài chính ổn định về tổng thể nhưng có sự dịch chuyển đáng kể trong cơ cấu tài sản và nguồn vốn so với đầu kỳ (01/01/2024).

Tổng quan: Tổng tài sản của doanh nghiệp tăng nhẹ 0.37%, từ 594.1 tỷ VND lên 596.3 tỷ VND. Sự tăng trưởng này chủ yếu đến từ việc tăng tài sản dài hạn, trong khi tài sản ngắn hạn lại giảm. Về nguồn vốn, doanh nghiệp tiếp tục duy trì cơ cấu tài chính vững chắc với tỷ trọng vốn chủ sở hữu áp đảo.

Phân tích chi tiết:

A. Phần Tài sản: Tổng tài sản của doanh nghiệp đạt 596.3 tỷ VND vào cuối năm 2024. Phần lớn tài sản của doanh nghiệp tập trung vào **Tài sản dài hạn**, chiếm 68.11% tổng tài sản (tăng từ 63.66% đầu kỳ), cho thấy định hướng đầu tư dài hạn và quy mô hoạt động lớn.

- **Tài sản ngắn hạn (giảm 11.92%):** Giảm từ 215.9 tỷ VND xuống 190.1 tỷ VND. Sự sụt giảm này chủ yếu do:
 - **Tiền và các khoản tương đương tiền** giảm mạnh 63.66% (từ 40.2 tỷ VND xuống 14.6 tỷ VND), phản ánh việc doanh nghiệp đã sử dụng lượng tiền mặt đáng kể cho các hoạt động khác, có thể là đầu tư hoặc thanh toán nợ.
 - **Đầu tư tài chính ngắn hạn** giảm 61.36% (từ 132 tỷ VND xuống 51 tỷ VND), cho thấy doanh nghiệp đã rút bớt các khoản đầu tư ngắn hạn, có thể để tái cơ cấu danh mục hoặc đáp ứng nhu cầu vốn khác.

- Ngược lại, **Các khoản phải thu ngắn hạn** tăng đột biến 195.62% (từ 40.2 tỷ VND lên 118.9 tỷ VND). Cụ thể:
 - **Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng (Mã 131)** tăng 151.49% (từ 27 tỷ VND lên 67.9 tỷ VND). Điều này cho thấy doanh nghiệp có thể đã tăng cường bán chịu hoặc gặp khó khăn trong việc thu hồi công nợ, tiềm ẩn rủi ro về dòng tiền và chất lượng tài sản.
 - **Trả trước cho người bán ngắn hạn** tăng cực kỳ mạnh 4800% (từ 814 triệu VND lên 39.9 tỷ VND), cho thấy doanh nghiệp đã thực hiện các khoản thanh toán lớn trước cho nhà cung cấp, có thể liên quan đến các dự án hoặc hợp đồng lớn trong tương lai.
- **Hàng tồn kho** tăng 49.80% (từ 2.5 tỷ VND lên 3.8 tỷ VND), có thể do tăng cường sản xuất, dự trữ hàng hóa hoặc chậm tiêu thụ.
- **Tài sản dài hạn (tăng 7.38%):** Tăng từ 378.2 tỷ VND lên 406.1 tỷ VND.
 - **Đầu tư tài chính dài hạn** vẫn là khoản mục lớn nhất trong tài sản dài hạn, chiếm 62.8% tổng tài sản (374.7 tỷ VND), tăng 4.08%. Trong đó, **Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết** tăng 4.09% (từ 303.8 tỷ VND lên 316.2 tỷ VND), cho thấy doanh nghiệp tiếp tục mở rộng hoặc củng cố các mối quan hệ liên kết, là trọng tâm chiến lược của công ty.
 - **Tài sản cố định** tăng đáng kể 74.12% (từ 16.3 tỷ VND lên 28.4 tỷ VND), chủ yếu do **Tài sản cố định hữu hình** tăng 182.95% (từ 6.6 tỷ VND lên 18.7 tỷ VND). Điều này phản ánh việc doanh nghiệp đã đầu tư mạnh vào cơ sở vật chất, máy móc thiết bị để mở rộng năng lực hoạt động hoặc nâng cấp công nghệ.
 - **Tài sản dở dang dài hạn** cũng tăng 31.33% (từ 714 triệu VND lên 938 triệu VND), cho thấy các dự án đầu tư xây dựng cơ bản đang được triển khai.

B. Phần Nguồn vốn: Tổng nguồn vốn của doanh nghiệp đạt 596.3 tỷ VND vào cuối năm 2024.

- **Nợ phải trả (giảm 24.56%):** Giảm từ 32.8 tỷ VND xuống 24.8 tỷ VND. Nợ phải trả chỉ chiếm 4.16% tổng nguồn vốn, cho thấy doanh nghiệp có mức độ đòn bẩy tài chính rất thấp và rủi ro tài chính thấp.
 - **Nợ ngắn hạn** chiếm phần lớn trong tổng nợ (94%), giảm 26.43% (từ 31.7 tỷ VND xuống 23.3 tỷ VND).
 - **Phải trả người bán ngắn hạn (Mã 331)** giảm 18.98% (từ 12.6 tỷ VND xuống 10.2 tỷ VND), có thể do doanh nghiệp thanh toán nhanh hơn hoặc giảm quy mô mua chịu.

- **Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước** giảm mạnh 70.87% (từ 2.8 tỷ VND xuống 818 triệu VND), cho thấy doanh nghiệp đã hoàn thành nghĩa vụ thuế.
- **Phải trả người lao động** giảm 51.11% (từ 9.9 tỷ VND xuống 4.8 tỷ VND), có thể do thanh toán lương, thưởng hoặc giảm số lượng nhân sự.
- Tuy nhiên, **Chi phí phải trả ngắn hạn** lại tăng rất mạnh 340.75% (từ 1.2 tỷ VND lên 5.6 tỷ VND), cần được xem xét chi tiết để hiểu rõ bản chất của các khoản chi phí này.
- **Nợ dài hạn** tăng 25.96% (từ 1.1 tỷ VND lên 1.4 tỷ VND), nhưng vẫn chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng nợ.
- **Vốn chủ sở hữu (tăng 1.83%):** Tăng từ 561.2 tỷ VND lên 571.5 tỷ VND. Vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng áp đảo 95.84% tổng nguồn vốn, khẳng định sự tự chủ tài chính cao và khả năng chống chịu rủi ro tốt của doanh nghiệp.
 - Sự tăng trưởng của vốn chủ sở hữu chủ yếu đến từ **Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**, tăng 3.42% (từ 303.9 tỷ VND lên 314.2 tỷ VND), cho thấy doanh nghiệp có khả năng tạo ra lợi nhuận và giữ lại để tái đầu tư, mặc dù lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm nay (29.2 tỷ VND) thấp hơn so với năm trước (44.4 tỷ VND).

Đánh giá và nhận định:

- **Cơ cấu tài chính vững chắc:** Doanh nghiệp có nền tảng tài chính rất mạnh với tỷ lệ vốn chủ sở hữu cao (trên 95%), cho thấy khả năng tự chủ và ít phụ thuộc vào nợ vay.
- **Thay đổi trong cơ cấu tài sản:** Có sự dịch chuyển rõ rệt từ tài sản ngắn hạn (đặc biệt là tiền và đầu tư ngắn hạn) sang tài sản dài hạn (tài sản cố định và đầu tư liên doanh, liên kết). Điều này phản ánh chiến lược đầu tư mở rộng và phát triển dài hạn của doanh nghiệp.
- **Rủi ro về quản lý công nợ và dòng tiền:** Sự gia tăng đột biến của **khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng (Mã 131)** và **trả trước cho người bán ngắn hạn** là điểm cần đặc biệt lưu ý.
 - Khoản phải thu khách hàng tăng mạnh có thể làm giảm dòng tiền hoạt động và tăng rủi ro nợ khó đòi nếu không được quản lý hiệu quả.
 - Khoản trả trước cho người bán tăng cao có thể khóa một lượng vốn lớn, cần đánh giá hiệu quả của các hợp đồng này.
- **Vốn lưu động:** Mặc dù vốn lưu động (Tài sản ngắn hạn - Nợ ngắn hạn) vẫn dương và lớn (166.8 tỷ VND năm 2024), nhưng đã giảm so với đầu kỳ (184.2 tỷ VND). Quan trọng hơn, thành phần của vốn lưu động đã chuyển từ các tài sản có

tính thanh khoản cao (tiền, đầu tư ngắn hạn) sang các tài sản kém thanh khoản hơn (phải thu, hàng tồn kho), điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán tức thời của doanh nghiệp.

- **Nợ phải trả cho nhà cung cấp (Mã 331)** giảm cho thấy doanh nghiệp có thể đang quản lý tốt hơn các khoản phải trả hoặc giảm quy mô mua hàng chịu.

Tóm lại: Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam có một bảng cân đối kế toán mạnh mẽ về vốn chủ sở hữu và đang trong giai đoạn đầu tư mở rộng. Tuy nhiên, sự gia tăng đáng kể của các khoản phải thu và trả trước cho người bán cần được theo dõi chặt chẽ để đảm bảo hiệu quả hoạt động và quản lý rủi ro dòng tiền.

3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 cho thấy một bức tranh kinh doanh với nhiều biến động đáng chú ý so với năm 2023, đặc biệt là sự sụt giảm đáng kể về lợi nhuận cuối cùng.

1. Kết quả từ hoạt động kinh doanh cốt lõi: * **Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ** tăng trưởng mạnh mẽ 16.32%, từ 142.428 tỷ VND năm 2023 lên 165.676 tỷ VND năm 2024. Điều này phản ánh khả năng mở rộng thị trường và tăng cường hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp. * Tuy nhiên, **Giá vốn hàng bán** lại tăng nhanh hơn, ở mức 21.21% (từ 118.128 tỷ VND lên 143.180 tỷ VND). Sự tăng trưởng giá vốn nhanh hơn doanh thu đã dẫn đến **Lợi nhuận gộp** giảm 7.42% (từ 24.300 tỷ VND xuống 22.496 tỷ VND). Điều này cho thấy biên lợi nhuận gộp của doanh nghiệp đang bị thu hẹp, có thể do áp lực tăng giá nguyên vật liệu, chi phí sản xuất hoặc chiến lược định giá. * **Chi phí bán hàng** tăng nhẹ 4.54% (từ 24.732 tỷ VND lên 25.855 tỷ VND), thấp hơn đáng kể so với tốc độ tăng doanh thu, cho thấy hiệu quả trong việc kiểm soát chi phí này. * Đáng chú ý, **Chi phí quản lý doanh nghiệp** giảm mạnh 36.59% (từ 45.482 tỷ VND xuống 28.838 tỷ VND). Đây là một điểm sáng, phản ánh nỗ lực đáng kể trong việc tối ưu hóa bộ máy quản lý và cắt giảm chi phí hành chính, góp phần bù đắp một phần sự sụt giảm của lợi nhuận gộp.

2. Kết quả từ hoạt động tài chính: * **Doanh thu hoạt động tài chính** giảm đáng kể 24.59% (từ 32.770 tỷ VND xuống 24.710 tỷ VND), cho thấy hiệu quả từ các khoản đầu tư tài chính hoặc lãi tiền gửi đã giảm sút. * **Chi phí tài chính** có sự thay đổi lớn, từ 2.253 tỷ VND chi phí năm 2023 chuyển thành một khoản thu nhập tài chính ròng 2.177 tỷ VND (ghi nhận âm chi phí) năm 2024, tương ứng mức giảm 196.63% chi phí. Điều này chủ yếu đến từ việc **Chi phí lãi vay** giảm mạnh 48.73% (từ 24.249 tỷ VND xuống 12.433 tỷ VND), cho thấy doanh nghiệp đã giảm đáng kể gánh nặng nợ vay hoặc tái cấu trúc nợ hiệu quả, tạo ra một điểm sáng trong hoạt động tài chính. * **Phần lãi trong**

công ty liên doanh, liên kết cũng giảm 19.51% (từ 8.851 tỷ VND xuống 7.124 tỷ VND), đóng góp ít hơn vào tổng lợi nhuận.

3. Kết quả từ hoạt động khác: * **Thu nhập khác** tăng mạnh 52.71% (từ 734 triệu VND lên 1.121 tỷ VND). * **Chi phí khác** giảm đáng kể 87.72% (từ 451 triệu VND xuống 55 triệu VND). * Kết quả là **Lợi nhuận khác** tăng vọt 276.67% (từ 282 triệu VND lên 1.065 tỷ VND), cho thấy doanh nghiệp có thể đã có các khoản thu nhập bất thường hoặc thanh lý tài sản hiệu quả trong năm 2024.

4. Tổng lợi nhuận và Lợi nhuận sau thuế: * Mặc dù doanh thu tăng trưởng và chi phí quản lý được kiểm soát tốt, cùng với việc giảm chi phí lãi vay, sự sụt giảm của lợi nhuận gộp, doanh thu tài chính và phần lãi từ liên doanh, liên kết đã kéo **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** giảm 34.66% (từ 45.765 tỷ VND xuống 29.904 tỷ VND). * **Chi phí thuế TNDN hiện hành** giảm tương ứng 51.44%, phản ánh mức lợi nhuận trước thuế thấp hơn. * Cuối cùng, **Lợi nhuận sau thuế TNDN** giảm 34.18% (từ 44.500 tỷ VND xuống 29.289 tỷ VND). **Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)** cũng giảm tương ứng 34.21% (từ 1.742 VND xuống 1.146 VND), phản ánh hiệu suất sinh lời trên mỗi cổ phiếu giảm sút.

Nhận định chung: Doanh nghiệp đã đạt được tăng trưởng doanh thu ấn tượng từ hoạt động kinh doanh cốt lõi và kiểm soát tốt chi phí quản lý doanh nghiệp, đồng thời giảm đáng kể gánh nặng lãi vay. Tuy nhiên, sự thu hẹp biên lợi nhuận gộp do giá vốn tăng nhanh hơn doanh thu, cùng với sự sụt giảm của doanh thu tài chính và lợi nhuận từ liên doanh, liên kết, đã ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận cuối cùng. Mặc dù lợi nhuận khác tăng mạnh, nhưng không đủ để bù đắp cho sự sụt giảm từ các hoạt động chính. Doanh nghiệp cần tập trung vào việc cải thiện biên lợi nhuận gộp thông qua tối ưu hóa chi phí sản xuất hoặc điều chỉnh chiến lược giá, đồng thời đánh giá lại hiệu quả của các hoạt động tài chính và đầu tư liên kết để cải thiện lợi nhuận tổng thể trong các kỳ tiếp theo.

4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ .

Năm 2024, dòng tiền thuần của doanh nghiệp chuyển từ dương sang âm, ghi nhận mức âm 25.59 tỷ VND, giảm mạnh so với mức dương 12.41 tỷ VND của năm 2023. Điều này dẫn đến lượng tiền và tương đương tiền cuối kỳ giảm đáng kể 63.66%, từ 40.20 tỷ VND xuống còn 14.61 tỷ VND.

1. Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh (CFO): Đây là điểm đáng lo ngại nhất. CFO tiếp tục âm và trầm trọng hơn đáng kể, từ (11.02) tỷ VND năm 2023 lên (100.74) tỷ VND năm 2024 (giảm 814%). Sự suy giảm này chủ yếu do: * **Lợi nhuận trước thuế giảm:** Giảm 34.66% từ 45.77 tỷ VND xuống 29.90 tỷ VND. * **Tăng các khoản phải thu:**

Khoản mục này chuyển từ thu hồi 17.08 tỷ VND năm 2023 sang việc tiền bị giữ lại 80.73 tỷ VND năm 2024. Đây là nguyên nhân chính gây ra sự thiếu hụt dòng tiền hoạt động. * **Thay đổi các khoản dự phòng:** Chuyển từ việc hoàn nhập dự phòng (tăng tiền) 2.93 tỷ VND năm 2023 sang trích lập dự phòng (giảm tiền) 1.49 tỷ VND năm 2024. Xu hướng CFO âm kéo dài và ngày càng lớn cho thấy hoạt động kinh doanh cốt lõi của doanh nghiệp không tạo ra đủ tiền để duy trì hoạt động, phản ánh sự thiếu bền vững và khả năng phải phụ thuộc vào các nguồn tài trợ khác.

2. Dòng tiền từ hoạt động đầu tư (CFI): CFI duy trì dương và tăng 29.61%, đạt 93.15 tỷ VND năm 2024 so với 71.87 tỷ VND năm 2023. Dòng tiền này chủ yếu đến từ việc thu hồi các khoản cho vay và bán lại công cụ nợ (189.50 tỷ VND), mặc dù có sự giảm sút đáng kể trong thu lãi cho vay, cổ tức (giảm 33.85% xuống 25.27 tỷ VND). Đáng chú ý, doanh nghiệp đã tăng mạnh chi tiêu cho mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác lên (13.91) tỷ VND năm 2024, tăng gần 12 lần so với năm 2023, cho thấy sự đầu tư lớn vào tài sản dài hạn. Dòng tiền dương từ hoạt động đầu tư đang đóng vai trò quan trọng trong việc bù đắp thiếu hụt từ hoạt động kinh doanh.

3. Dòng tiền từ hoạt động tài chính (CFF): CFF vẫn âm nhưng mức chi ra đã giảm đáng kể 62.84%, từ (48.44) tỷ VND năm 2023 xuống (18.00) tỷ VND năm 2024. Sự cải thiện này chủ yếu do doanh nghiệp đã giảm mạnh chi trả cổ tức cho chủ sở hữu (giảm 62.84%). Điều này phản ánh nỗ lực của doanh nghiệp trong việc bảo toàn tiền mặt hoặc áp lực về dòng tiền khiến doanh nghiệp phải cắt giảm chi trả cổ tức.

Nhận định chung: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2024 cho thấy một bức tranh tài chính đầy thách thức. Mặc dù dòng tiền từ hoạt động đầu tư vẫn tích cực và dòng tiền chi ra từ hoạt động tài chính đã được kiểm soát tốt hơn (nhờ giảm cổ tức), sự suy yếu nghiêm trọng của dòng tiền từ hoạt động kinh doanh là một rủi ro lớn. Việc CFO âm sâu và kéo dài, đặc biệt do sự gia tăng mạnh các khoản phải thu, cho thấy doanh nghiệp đang gặp vấn đề nghiêm trọng trong việc chuyển đổi lợi nhuận thành tiền mặt từ hoạt động cốt lõi. Doanh nghiệp đang phải dựa vào dòng tiền từ hoạt động đầu tư để bù đắp thiếu hụt, một chiến lược không bền vững nếu hoạt động kinh doanh chính không được cải thiện. Nhu cầu tài trợ từ bên ngoài là rất cao nếu tình hình này tiếp diễn.

5. Các chỉ số tài chính cơ bản.

Chỉ số	Công thức	Năm 2024 (VND)	Năm 2023 (VND)
1. Chỉ số thanh khoản			

Chỉ số	Công thức	Năm 2024 (VND)	Năm 2023 (VND)
Thanh khoản hiện hành	Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	8.15	6.81
Thanh khoản nhanh	(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn	7.99	6.73
Thanh khoản tức thời	Tiền và tương đương tiền / Nợ ngắn hạn	0.63	1.27
2. Chỉ số đòn bẩy tài chính			
Hệ số nợ	Tổng nợ / Tổng tài sản	0.04	0.06
Nợ trên vốn chủ	Tổng nợ / Vốn chủ sở hữu	0.04	0.06
Khả năng thanh toán lãi vay	EBIT / Chi phí lãi vay	3.41	2.89
3. Chỉ số hiệu quả hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	44.85 lần	Không tính được (thiếu Hàng tồn kho bình quân 2023)
Vòng quay khoản phải thu	Doanh thu thuần / Khoản phải thu bình quân	3.49 lần	Không tính được (thiếu Khoản phải thu bình quân 2023)
Vòng quay tổng tài sản	Doanh thu thuần / Tổng tài sản bình quân	0.28 lần	Không tính được (thiếu Tổng tài sản bình quân 2023)
4. Chỉ số lợi nhuận			
Biên lợi nhuận gộp		13.58%	17.06%

Chỉ số	Công thức	Năm 2024 (VND)	Năm 2023 (VND)
	Lợi nhuận gộp / Doanh thu thuần		
Biên lợi nhuận ròng	Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	17.68%	31.24%
ROA (Hiệu quả tài sản)	Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân	4.92%	Không tính được (thiếu Tổng tài sản bình quân 2023)
ROE (Hiệu quả vốn chủ sở hữu)	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ / Vốn chủ sở hữu bình quân	5.16%	Không tính được (thiếu Vốn chủ sở hữu bình quân 2023)
5. Chỉ số định giá			
EPS	Lợi nhuận sau thuế / Số cổ phiếu lưu hành	1.146	1.742
P/E	Giá thị trường / EPS	Không tính được (thiếu Giá thị trường)	Không tính được (thiếu Giá thị trường)
P/B	Giá thị trường / Giá trị sổ sách (BVPS)	Không tính được (thiếu Giá thị trường)	Không tính được (thiếu Giá thị trường)
6. Các chỉ tiêu cơ bản khác phân tích theo năm			
Doanh thu Thuần		165.676.939.146	142.428.665.170
Giá vốn		143.180.689.454	118.128.236.324
Lợi nhuận gộp		22.496.249.692	24.300.428.846
Lợi nhuận trước thuế TNDN		29.904.136.290	45.765.861.201
Lợi nhuận sau thuế TNDN		29.289.527.296	44.500.226.005

Chỉ số	Công thức	Năm 2024 (VND)	Năm 2023 (VND)
7. Tăng trưởng Doanh thu, lợi nhuận, Giá vốn, ... Chi phí các năm		Tỷ lệ tăng trưởng 2024 so với 2023	
Tăng trưởng Doanh thu thuần	$(\text{Năm nay} - \text{Năm trước}) / \text{Năm trước} * 100\%$	16.32%	
Tăng trưởng Giá vốn hàng bán	$(\text{Năm nay} - \text{Năm trước}) / \text{Năm trước} * 100\%$	21.21%	
Tăng trưởng Lợi nhuận gộp	$(\text{Năm nay} - \text{Năm trước}) / \text{Năm trước} * 100\%$	-7.42%	
Tăng trưởng Lợi nhuận trước thuế TNDN	$(\text{Năm nay} - \text{Năm trước}) / \text{Năm trước} * 100\%$	-34.65%	
Tăng trưởng Lợi nhuận sau thuế TNDN	$(\text{Năm nay} - \text{Năm trước}) / \text{Năm trước} * 100\%$	-34.18%	
8. Dòng tiền			
DOANH THU THUẦN (CFO)	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(100.738.719.482)	(11.020.751.983)
TỶ SUẤT DÒNG TIỀN TỰ DO (FCFE)	$(\text{CFO} - \text{Tiền chi mua sắm TSCĐ}) / \text{Doanh thu thuần}$	-52.41%	-6.98%
XU HƯỚNG CỦA DÒNG TIỀN			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt		Âm và giảm mạnh hơn	Âm

Chỉ số	Công thức	Năm 2024 (VND)	Năm 2023 (VND)
động kinh doanh (CFO)			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (CFI)		Dương và tăng	Dương
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (CFF)		Âm và giảm mức chi	Âm
## 6. Phân tích các chỉ số cơ bản.			

1. Phân tích cơ cấu nguồn vốn và cơ cấu tài sản

- **Tỷ lệ vốn chủ sở hữu:** Rất cao, đạt 96% vào năm 2024 (tăng từ 94% năm 2023). Điều này cho thấy doanh nghiệp có sức khỏe tài chính cực kỳ vững chắc, mức độ độc lập cao và ít phụ thuộc vào vốn vay. Tuy nhiên, tỷ lệ này quá cao cũng có thể ngụ ý doanh nghiệp chưa tối ưu hóa việc sử dụng đòn bẩy tài chính để tăng trưởng hoặc hiệu quả sử dụng vốn chưa cao.
- **Tỷ lệ đầu tư vào tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn:** Dù không có số liệu trực tiếp, các chỉ số thanh khoản hiện hành và nhanh rất cao cho thấy doanh nghiệp duy trì một lượng lớn tài sản ngắn hạn. Điều này đảm bảo khả năng thanh khoản cao nhưng có thể chưa tối ưu hóa đầu tư sinh lời từ các tài sản này.

2. Phân tích khả năng thanh toán

- **Hệ số thanh toán hiện hành:** Rất cao, đạt 8.15 vào năm 2024 (tăng từ 6.81 năm 2023). Mức này vượt xa khoảng an toàn (1.5-2), cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn vượt trội, nhưng cũng có thể phản ánh việc chưa tận dụng hiệu quả tài sản lưu động.
- **Hệ số thanh toán nhanh:** Rất cao, đạt 7.99 vào năm 2024 (tăng từ 6.73 năm 2023), củng cố nhận định về khả năng thanh toán ngắn hạn mạnh mẽ của doanh nghiệp.
- **Hệ số thanh toán tức thời:** Giảm mạnh từ 1.27 (2023) xuống 0.63 (2024). Mặc dù vẫn có khả năng chi trả một phần nợ ngắn hạn bằng tiền mặt, sự sụt giảm đáng kể này cần được lưu ý, đặc biệt trong bối cảnh dòng tiền hoạt động âm.

- **Khả năng thanh toán lãi vay:** Tốt, đạt 3.41 vào năm 2024 (tăng từ 2.89 năm 2023). Mức này cao hơn tiêu chuẩn 1.5, đảm bảo doanh nghiệp có đủ lợi nhuận để thanh toán các khoản lãi vay.
- **Hệ số vòng quay khoản phải thu:** Đạt 3.49 lần vào năm 2024, tương đương kỳ thu tiền bình quân khoảng 103 ngày. Đây là thời gian khá dài, cho thấy hiệu quả thu hồi công nợ chưa cao và có thể ảnh hưởng đến dòng tiền hoạt động.
- **Hệ số vòng quay hàng tồn kho:** Rất cao, đạt 44.85 lần vào năm 2024. Điều này cho thấy hàng tồn kho được luân chuyển nhanh, sản phẩm được tiêu thụ hiệu quả và quản lý hàng tồn kho tốt.

3. Phân tích đòn bẩy tài chính

- **Hệ số nợ và Nợ trên vốn chủ:** Rất thấp, lần lượt là 0.04 và 0.04 vào năm 2024 (giảm từ 0.06 và 0.06 năm 2023). Điều này thể hiện cấu trúc tài chính cực kỳ an toàn, ít phụ thuộc vào nợ vay và rủi ro tài chính thấp. Tuy nhiên, việc sử dụng quá ít đòn bẩy có thể giới hạn khả năng mở rộng kinh doanh và bỏ lỡ cơ hội tăng trưởng.

4. Phân tích khả năng sinh lời

- **Biên lợi nhuận gộp:** Giảm đáng kể từ 17.06% (2023) xuống 13.58% (2024). Nguyên nhân chính là do Giá vốn hàng bán tăng nhanh hơn Doanh thu thuần (21.21% so với 16.32%), cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh cốt lõi đang suy giảm.
- **Biên lợi nhuận ròng (ROS):** Giảm mạnh từ 31.24% (2023) xuống 17.68% (2024). Phản ánh hiệu quả quản lý chi phí tổng thể và khả năng chuyển doanh thu thành lợi nhuận sau thuế suy giảm nghiêm trọng.
- **ROA (Hiệu quả tài sản):** Đạt 4.92% vào năm 2024. Mức này cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản ở mức trung bình.
- **ROE (Hiệu quả vốn chủ sở hữu):** Đạt 5.16% vào năm 2024. Mức này khá thấp, đặc biệt khi so sánh với tỷ lệ vốn chủ sở hữu cao, cho thấy hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu chưa tối ưu để tạo ra lợi nhuận.
- **EPS (Thu nhập một cổ phần thưởng):** Giảm mạnh từ 1.742 VND (2023) xuống 1.146 VND (2024), phản ánh lợi nhuận trên mỗi cổ phần giảm đáng kể, làm giảm sức hấp dẫn đối với nhà đầu tư.
- **Tăng trưởng Lợi nhuận:** Các chỉ số tăng trưởng Lợi nhuận gộp (-7.42%), Lợi nhuận trước thuế TNDN (-34.65%) và Lợi nhuận sau thuế TNDN (-34.18%) đều âm và giảm sâu, củng cố nhận định về sự suy giảm nghiêm trọng trong khả năng sinh lời của doanh nghiệp.

5. Phân tích dòng tiền

- **DOANH THU THUẦN (CFO - Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh):** Âm và giảm mạnh hơn rất nhiều, từ (11.020.751.983) VND năm 2023 xuống (100.738.719.482) VND năm 2024. Đây là dấu hiệu cực kỳ tiêu cực, cho thấy hoạt động kinh doanh cốt lõi đang đốt tiền và không tạo ra đủ tiền mặt để trang trải chi phí.
- **TỶ SUẤT DÒNG TIỀN TỰ DO (FCFE):** Âm và giảm mạnh hơn, từ -6.98% năm 2023 xuống -52.41% năm 2024. Điều này cho thấy doanh nghiệp không tạo ra dòng tiền tự do và đang tiêu tốn tiền mặt đáng kể sau khi đầu tư tài sản cố định.
- **XU HƯỚNG CỦA DÒNG TIỀN:**
 - **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (CFO):** Xu hướng âm và giảm mạnh là rất đáng lo ngại, cho thấy rủi ro cao về khả năng duy trì hoạt động bền vững.
 - **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (CFI):** Dương và tăng. Trong bối cảnh CFO âm nặng, CFI dương có thể là dấu hiệu doanh nghiệp đang bán tài sản để bù đắp thiếu hụt dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, đây là một dấu hiệu không bền vững.
 - **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (CFF):** Âm và giảm mức chi. Điều này có thể cho thấy doanh nghiệp đang hạn chế chi trả tài chính hoặc gặp khó khăn trong việc huy động thêm vốn.

Nhận định chung và hỗ trợ quyết định:

Doanh nghiệp có nền tảng tài chính vững chắc về cấu trúc vốn và khả năng thanh toán ngắn hạn vượt trội. Tuy nhiên, các chỉ số về khả năng sinh lời và đặc biệt là dòng tiền từ hoạt động kinh doanh đang suy giảm nghiêm trọng và ở mức rất tiêu cực.

- **Đối với nhà đầu tư:** Cần hết sức thận trọng. Mặc dù doanh nghiệp có sức khỏe tài chính tốt về cấu trúc vốn, nhưng sự sụt giảm mạnh về lợi nhuận và dòng tiền hoạt động âm là những tín hiệu cảnh báo đỏ. Cần tìm hiểu nguyên nhân sâu xa và kế hoạch khắc phục của ban lãnh đạo trước khi đưa ra quyết định đầu tư.
- **Đối với ban lãnh đạo:** Cần khẩn trương rà soát và cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh cốt lõi, đặc biệt là quản lý chi phí và tối ưu hóa dòng tiền từ hoạt động kinh doanh. Cải thiện vòng quay khoản phải thu và xem xét lại chính sách tín dụng là ưu tiên hàng đầu. Đồng thời, cần đánh giá lại hiệu quả sử dụng tài sản và vốn chủ sở hữu để nâng cao khả năng sinh lời.